

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, sửa đổi bởi Luật số 35/2018/QH13 ngày 20/11/2018, sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Hà Giang;*

*Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Giang về Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 41/BC-KTNS ngày 06 tháng 12 năm 2020, của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021, trên địa bàn tỉnh Hà Giang cụ thể như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng gồm 121 công trình, dự án; trong đó:

- Tổng diện tích thu hồi: 231,94 ha;
- Tổng kinh phí bồi thường: 162.209 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết này).*

2. Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng (theo Khoản 1, Điều 58, Luật Đất đai năm 2013) gồm 59 công trình, dự án; trong đó diện tích đất trồng lúa: 41,51 ha; đất rừng phòng hộ 6,13 ha.

*(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết này).*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác đối với diện tích vượt quá thẩm quyền của HĐND tỉnh, theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVII, Kỳ họp thứ 16 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu -UBTVQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV, đơn vị tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT. công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, HĐND (1b). *Wla*

**CHỦ TỊCH**



**Thào Hồng Sơn**

**Phụ lục I**

**Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 53 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
	<i>Toàn tỉnh</i>		231,94	41,51	0,00	6,13	184,30	162.209	42.582	70.981	48.646	
<b>I</b>	<b>TP. HÀ GIANG</b>		12,20	0,67	-	0,31	11,23	8.045	5.500	100	2.445	
1	Dự án đường lên trận địa và đài quan sát phòng không núi Mỏ Neo (bổ sung)	P. Minh Khai	0,31			0,31						
2	Đường dân sinh đi vào khu vực Phom Phem - Hạng mục cống thoát nước	P. Quang Trung	0,02				0,02	100		100		
3	Cải tạo lưới điện 22kV khu vực TP. Hà Giang năm 2021	Phường Nguyễn Trãi, Quang Trung, Ngọc Hà, xã Phương Thiện	0,09	0,01			0,08	60			60	
4	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực Thành phố Hà Giang năm 2021	Phường Nguyễn Trãi, xã Phương	0,05	0,01			0,04	35			35	

DONG A

*Handwritten signature*

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
5	Di chuyển DZ 110kv lộ 171, 172 Hà Giang Thanh Thủy (phục vụ GPMB khu liên hợp thể thao GĐ1)	xã Phương Độ	0,20				0,20	300	300			
6	Khu liên hợp thể thao và văn hóa tỉnh (giai đoạn 1) bổ sung	xã Phương Độ, phường Quang Trung	10,65	0,65			10,00	5.000	5.000			
7	Sửa chữa đột xuất hư hỏng, nền mặt đường phân bưng đường cong nguy hiểm mất an toàn giao thông đoạn Km6-Km65 QL34 tỉnh Hà Giang	xã Ngọc Đường	0,11				0,11	2.000			2.000	
8	Đường dây và TBA 110KV - Thanh Thủy	thôn Tân Tiến, xã Phương Độ	0,50				0,50	350			350	
9	Dự án di chuyển trung tâm phát sóng, phát thanh truyền hình Núi Cẩm về thôn Mè Thượng xã Phương Thiện	xã Phương Thiện	0,27				0,27	200	200			
<b>II</b>	<b>H. ĐỒNG VĂN</b>		<b>13,20</b>	<b>3,33</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9,87</b>	<b>9.146</b>	<b>9.000</b>	<b>120</b>	<b>26</b>	
1	Nhà Văn hóa xã Sàng Tùng, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Hạng mục: Nhà Văn hóa và các hạng mục phụ trợ	Xã Sàng Tùng	0,06				0,06	120		120	-	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
2	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Văn - Tả Lùng - Sùng Trà (đoạn Km0+00 - Km6+00)	Tổ 2, thị trấn Đồng Văn; Xã Tả Lùng	4,00				4,00	3.000	3.000	-	-	
3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ trung tâm huyện Đồng Văn đi Mốc 450 (nay là mốc 456) huyện Mèo Vạc (Địa phận huyện Đồng Văn; DA qua 2 huyện)	Thị trấn Đồng Văn	6,60	1,32			5,28	4.500	4.500	-	-	
4	Hồ dự trữ nước và điều tiết nước thủy lợi thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn	Thị trấn Đồng Văn	2,50	2,00			0,50	1.500	1.500	-	-	
5	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Đồng Văn năm 2021	Xã Lũng Cú	0,05	0,01			0,04	26			26	
<b>III</b>	<b>H. MÈO VẠC</b>		<b>32,60</b>	<b>5,03</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27,56</b>	<b>14.060</b>	<b>3.400</b>	<b>10.510</b>	<b>150</b>	
1	Cấp điện liên thôn Lũng Chư 2 và Thín Ngải, xã Thượng Phùng	Xã Thượng Phùng	0,07				0,07	60		60		
2	Cấp điện cho thôn Tia Kính xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc	Xã Xín Cái	0,04				0,04	40		40		
3	Cấp điện liên thôn Bàn Trang và Khai Hoang xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc	Xã Xín Cái	0,07				0,07	60		60		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
4	Cấp điện cho thôn Dìn Phàn Sán, thôn Xéo Hồ xã Sơn Vĩ	Xã Sơn Vĩ	0,07				0,07	80		80		
5	Cấp điện thôn Khuổi Luông, xã Niêm Sơn	Xã Niêm Sơn	0,04				0,04	40		40		
6	Cấp điện thôn Po Ma, xã Niêm Tông, huyện Mèo Vạc	Xã Niêm Tông	0,04				0,04	40		40		
7	Cấp điện thôn Nà Tầm, xã Nậm Ban, huyện Mèo Vạc	Xã Nậm Ban	0,04				0,04	40		40		
8	Cấp điện thôn Phố Mỳ Lũng Vái xã Tà Lũng, huyện Mèo Vạc	Xã Tà Lũng	0,04				0,04	50		50		
9	Cấp điện thôn Xín Phìn Chư; thôn Khai Hoang I,II xã Thượng Phùng,	Xã Thượng Phùng	0,08				0,08	100		100		
10	Cải tạo sửa chữa nhà lớp học 2 tầng thôn Lũng Vằn Chải xã Xín Cái thành trụ sở nhà văn hóa xã Xín Cái	Xã Xín Cái	0,10	0,05			0,05	200		200		
11	Chợ bò huyện Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc	0,75				0,75	1.900		1.900		
12	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ trung tâm huyện Đồng Văn đi Mốc 450 (nay là mốc 456) huyện Mèo Vạc (Địa phận huyện Mèo Vạc; DA qua 2 huyện)	Xã Xín Cái; xã Thượng Phùng	23,40	4,68			18,72	6.000		6.000		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
13	Dự án hạ tầng trạm kiểm soát liên ngành cửa khẩu Sầm Pun huyện Mèo Vạc	Xã Thượng Phùng	0,30				0,30	400	400			
14	Kết nối lưới điện trung thế các huyện Bảo Lâm - Bắc Mê; Bảo Lâm - Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Xã Niêm Tông, Niêm Sơn, Tát Ngà	0,06	0,002			0,06	100			100	
15	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Km 160+400, QL4C xã Pả Vi đi mốc 456 xã Thượng Phùng huyện Mèo Vạc	Xã Pả Vi, Giàng Chu Phìn, Xín Cái, Thượng Phùng	5,00	0,30			4,70	3.000	3.000			
16	Dự án cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc	2,50				2,50	1.900		1.900		
17	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Mèo Vạc năm 2021	Xã Tát Ngà	0,02	0,01			0,01	50			50	
<b>IV</b>	<b>H. YÊN MINH</b>		<b>16,79</b>	<b>6,76</b>	<b>-</b>	<b>0,72</b>	<b>9,31</b>	<b>26.323</b>	<b>16.818</b>	<b>8.480</b>	<b>1.025</b>	
1	Dự án: Di dân biên giới xã Phú Lũng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Hạng mục: Đường giao thông và kè chống sạt lở.	Xã Phú Lũng	5,92				5,92	1.000	1.000			

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
2	Đường từ Km 97+650m QL4C nối với đường tránh thị trấn Yên Minh (hạng mục mở đường + QH 2 bên phụ cận)	Thị trấn Yên Minh	7,00	6,00			1,00	6.930		6.930		
3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ thủy điện Bát Đại Sơn đi các thôn Na Pô, Bản Rào, Sáo Hồ và Mốc 345, xã Na Khê huyện Yên Minh tỉnh Hà Giang. Hạng mục: Đường – Tràn liên hợp qua suối.	Xã Na Khê	1,31	0,25			1,06	700		700		
4	Đường dây 35Kv +TBA+ ĐZ0,4Kv cấp điện 2 thôn Khâu Piai và Ngòi Trồ xã Mậu Duệ	xã Mậu Duệ	0,30	0,02		0,22	0,06	850		850		
5	Cấp điện các thôn Tàng Riều, thôn Đông Mợ, thôn Nà Noong & Tu Đóc, thôn Nà Bàng	Xã Đông Minh	0,10				0,10					
6	Xử lý nhà máy nước sinh hoạt (hạng mục Di chuyển khẩn cấp nhà máy)	TT Yên Minh	0,15				0,15	5.818	5.818,4			
7	Dự án cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Yên Minh	TT Yên Minh	0,50			0,50		10.000	10.000			
8	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Yên Minh năm 2021	Xã Du Già	0,04	0,01			0,03	25			25	



Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
9	Khu đô thị hỗn hợp 1B	thị trấn Yên Minh	1,48	0,48			1,00	1.000			1.000	
<b>V</b>	<b>H. QUẢN BẠ</b>		<b>24,61</b>	<b>2,70</b>	<b>-</b>	<b>5,00</b>	<b>16,91</b>	<b>19.090</b>	<b>450</b>	<b>18.600</b>	<b>40</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ quốc lộ 4c (km49+750) đi trường dạy nghề vào thôn Nậm Đăm	xã Quản Bạ	6,30	0,50		0,50	5,30	6.500		6500		
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Km 50 +100m, quốc lộ 4c đi qua (thôn Nà Vin) công trường PTDT BT tiểu học xã Quản Bạ hồ Nậm Đăm	Thôn Nà Vin, Nậm Đăm, xã Quản Bạ	2,50	0,50			2,00	2.000		2000		
3	Nâng cấp, mở rộng điểm dừng chân, bãi đỗ xe và các hạng mục phục vụ khách du lịch tại đỉnh dốc Cổng Trời	Thôn Nậm Lương, xã Quyết Tiến	1,00			0,50	0,50	1.000		1000		
4	Khu trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm địa phương, nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm và thông tin du lịch, hiện vật văn hóa của các dân tộc vùng công viên địa chất, các mô hình làm điểm nhấn du lịch cho khách tham quan, trải nghiệm tại thôn Lùng Mười	Thôn Lùng Mười Xa Quyết Tiến	0,80	0,10			0,70	800		800		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà văn hoá thôn, đội 3 Lũng Mười đến Hang Lũng Mười	xã Quyết Tiến	2,65	0,50			2,15	2.000		2000		
6	Xây dựng khuôn viên bãi đỗ xe, đường giao thông, khuôn viên cây xanh, khu trưng bày sản phẩm +thu hồi, đền bù GPMB làm điểm nhân du lịch tại Thạch Sơn Thôn.	Thôn Lũng Thàng, xã Quyết Tiến	2,50	0,50			2,00	2.300		2300		
7	Mở rộng tuyến đường từ QL 4c (trạm Y tế xã) đi thôn Hoàng Lan	Thôn Lũng Thàng, Thôn Hoàng Kan	3,00	0,50			2,50	3.000		3.000		
8	Cải tạo, sửa chữa kênh mương thủy lợi tưới tiêu cho vùng rau hoa xã Quyết Tiến về hồ	Thôn Lũng Thàng, xã Quyết Tiến	1,30	0,10			1,20	1.000		1.000		
9	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Quán Bạ năm 2021	Xã Quyết Tiến, xã Đông Hà	0,06				0,06	40			40	
10	Xử lý điểm nguy cơ mất ATGT (Đèo dốc công trời Quán Bạ) KM44+500 đến KM46+600 Quốc lộ 4c tỉnh Hà Giang	xã Quyết tiến, TT Tam Sơn	4,50			4,00	0,50	450	450			

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
<b>VI</b>	<b>H. BẮC MÊ</b>		<b>0,42</b>	-	-	-	<b>0,42</b>	<b>2.000</b>	-	-	<b>2.000</b>	
1	Sửa chữa đột xuất hư hỏng, nền mặt đường phần bưng đường cong nguy hiểm mất an toàn giao thông đoạn Km6-Km65 QL34 tỉnh Hà Giang	xã Yên Định, Minh Ngọc, Lạc Nông, TT. Yên Phú, Yên Phong	0,42				0,42	2.000			2.000	
<b>VII</b>	<b>H. VỊ XUYÊN</b>		<b>24,95</b>	<b>7,55</b>	-	-	<b>17,40</b>	<b>14.353</b>	<b>1.348</b>	<b>2.000</b>	<b>11.005</b>	
1	Cầu Phương Tiên, huyện Vị Xuyên (Diện tích thu hồi bổ sung)	Xã Phương Tiên, Phong Quang	0,10				0,10	65	65			
2	Thủy điện Thượng Sơn	Xã Thượng Sơn	1,40	0,15			1,25					
3	Xây dựng vườn ươm cây giống lâm nghiệp và lâm sản ngoài gỗ (thuộc Khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản tập chung)	TT. Vị Xuyên	2,13				2,13	1300,0		1300		
4	Trạm bảo vệ rừng -PCCCR đặc dụng Phong Quang thuộc Dự án Nâng cao năng lực PCCCR tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020	xã Thuận Hòa	0,10				0,10	85	85			

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
5	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Vị Xuyên năm 2021	Xã Đạo Đức, Xã Việt Lâm	0,04	0,01			0,03	25			25	
6	Sửa chữa đột xuất xử lý điểm đen TNGT tại đoạn Km18+450-Km18+900 Quốc lộ 4C	xã Thuận Hòa, Minh Tân	0,60				0,60	500			500	
7	Trạm bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng xã Phương Tiến	xã Phương Tiến	0,09				0,09	60	60			
8	Di chuyển đường dây điện ĐZ 22kv và ĐZ 0,4 Kv tại xã Phong Quang	Xã Phong Quang	1,20				1,20	780			780	
9	Nhà tạm giam, tạm giữ, hệ thống kho vật chứng và các hạng mục phụ trợ Công an huyện Vị Xuyên	Thị trấn Vị Xuyên	0,20	0,20				130	130			
10	Kho bãi tập kết trung chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu	Thanh Thủy	1,00				1,00	700		700		
11	Thủy điện Thanh Thủy 1B	Xã Lao Chải và xã Xín Chải	11,00	1,00			10,00	7.200			7.200	
12	Thủy điện Nậm Ngàn 2	xã Thượng Sơn	3,92	3,92				2.500			2.500	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
13	Hồ chứa nước Khu Vàng xã Bạch Ngọc, huyện Vị Xuyên thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Hà Giang (WB8)	xã Bạch Ngọc	0,90				0,90	1.008	1.008			
14	Làng thanh niên lập nghiệp biên giới	xã Minh Tân	2,27	2,27								
<b>VIII</b>	<b>H. HOÀNG SU PHÌ</b>		<b>43,82</b>	<b>7,99</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>35,83</b>	<b>27.000</b>	<b>1.000</b>	<b>-</b>	<b>26.000</b>	<b>-</b>
1	Trạm bảo vệ rừng -PCCCR xã Nậm Ty thuộc Dự án Nâng cao năng lực PCCCR tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020	xã Nậm Ty	0,18				0,18	500	500			
2	Cấp điện cho thôn Ngâm Đăng Vài 1	xã Ngâm Đăng Vài	0,06	0,01			0,05	500	500			
3	Dự án: Thủy điện Túng Sán 1	xã Túng Sán	8,31	1,55			6,76	4.500			4.500	
4	Dự án: Thủy điện Túng Sán 2	xã Túng Sán và xã Tân Tiến	13,43	3,63			9,80	9.500			9.500	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
5	Dự án: Thủy điện Sông Cháy 2	Các xã: Nậm Dịch, Ngâm Đăng Vài, Bản Luốc, Tụ Nhân	21,84	2,80			19,04	12.000			12.000	
<b>IX</b>	<b>H.XÍN MÀN</b>		<b>6,08</b>	<b>0,41</b>	<b>-</b>	<b>0,10</b>	<b>5,56</b>	<b>5.871</b>	<b>-</b>	<b>4.871</b>	<b>1.000</b>	
1	Đường điện 0,4 Kv thôn Suối Thầu thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần	Thị trấn Cốc Pài	0,04				0,04	100,0		100,0		
2	Cấp điện khu vực dân cư thôn Km 26, xã Thèn Phàng	Xã Thèn Phàng	0,03				0,03	150,0		150,0		
3	Cấp điện thôn Thảng Lợi, xã Bản Ngò	Xã Bản Ngò	0,04				0,04	130,0		130,0		
4	Cấp điện thôn Nấm Chanh, xã Nấm Dẩn	Xã Nấm Dẩn	0,05				0,05	120,0		120,0		
5	Cấp điện thôn Na Ri, xã Tá Nhìu	Xã Tá Nhìu	0,04				0,04	100,0		100,0		
6	Cấp điện thôn Lũng Pô, Đoàn Kết, Lũng Cầu, xã Chế Là	Xã Chế Là	0,04				0,04	100,0		100,0		
7	Cấp điện thôn Cùm Phình, xã Chế Là	Xã Chế Là	0,04				0,04	110,0		110,0		
8	Cấp điện thôn Đản Điêng, xã Chế Là	Xã Chế Là	0,04				0,04	130,0		130,0		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
9	Cấp điện thôn Khẩu Sín, xã Pà Vây Sủ	xã Pà Vây Sủ	0,05				0,05	140,0		140,0		
10	Công trình Trạm biến áp 31,5 Kv/Đz 0,4 Kv cấp điện cho nhà sản Đèo Gió xã NĂM DẦN	Xã NĂM DẦN	0,003			0,003						
11	Trường Tiểu học Bản Dú, huyện Xín Mần, Hạng mục: Xây mới nhà lớp học + các hạng mục phụ trợ	Xã Bản Dú	0,70				0,70	999,0		999,0		
12	Cấp điện thôn Cốc Đông, Cốc Cang, xã Chế Là	xã Chế Là	0,07	0,02			0,05	82,5		82,5		
13	Cấp điện thôn Năng Cút, xã Thu Tà, huyện Xín Mần	Xã Thu Tà	0,12	0,03			0,09	300,0		300,0		
14	Cấp điện thôn Tả lử Thận, xã Pà Vây Sủ, huyện Xín Mần	Xã Pà Vây Sủ	0,11	0,01		0,01	0,09	210,0		210,0		
15	Đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã Nàn Xín đi hội trường thôn Chúng Chải	Xã Nàn Xín	2,03	0,33		0,09	1,61	750,0		750,0		
16	Trường Mầm Non Bản Dú, huyện Xín Mần, Hạng mục: Xây mới nhà lớp học + các hạng mục phụ trợ	Xã Bản Dú	0,40				0,40	999,0		999,0		
17	Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng và các công trình phụ trợ tại thôn Năm Ngà, xã Cốc Ré	xã Cốc Ré	1,40	0,02			1,38	450,0		450,0		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
18	Trạm Y tế xã Trung Thịnh	Xã Trung Thịnh	0,35				0,35	250,0			250	
19	Trạm Y tế xã Tả Nhiu	Xã Tả Nhiu	0,25				0,25	400,0			400	
20	Trạm Y tế xã Thèn Phàng	Xã Thèn Phàng	0,30				0,30	350,0			350,0	
<b>X</b>	<b>H. QUANG BÌNH</b>		<b>52,70</b>	<b>7,02</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>45,68</b>	<b>29.945</b>	<b>-</b>	<b>25.300</b>	<b>4.645</b>	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm dịch vụ công cộng và Môi trường	Thị trấn Yên Bình	0,30				0,30	600		600		
2	Trường mầm non sao mai và tiểu học Kim Đồng thị trấn Yên Bình	Thị trấn Yên Bình	2,97	1,14			1,83	1.100		1.100		
3	Đường điện chiếu sáng thôn Hạ Sơn	Thị trấn Yên Bình	0,10	0,02			0,07	300		300		
4	Xây dựng đường điện 35Kv, trạm biến áp và đường dây 0,4kv tại thôn Sơn Nam	xã Hương Sơn	0,16	0,02			0,14	600			600	
5	Nhà văn hóa công đồng dân tộc Pà Thén	Xã Tân Trính	0,81	0,28			0,53	500			500	
6	Nhà văn hóa tổ 5 thị trấn Yên Bình	Thị trấn Yên Bình	0,35				0,35	400		400		
7	Chợ xã Tân Nam	xã Tân Nam	1,45	0,09			1,37	1500		1500		



Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
8	Khu dân cư nông thôn mới xã Tân Nam	xã Tân Nam	5,12	0,08			5,04	3000		3000		
9	Thu hồi đất bổ sung khu dân cư G1, G2	Thị trấn Yên Bình	0,08				0,08	300		300		
10	Thu hồi đất bổ sung khu dân cư B3	Thị trấn Yên Bình	0,50				0,50	650		650		
11	Thu hồi đất để mở rộng đường vào trạm y tế thị trấn Yên Bình	Thị trấn Yên Bình	0,30				0,30	400		400		
12	Xây dựng cơ sở làm việc trung tâm y tế dự phòng	Thị trấn Yên Bình	0,25				0,25	800		800		
13	Xây dựng cơ sở làm việc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Thị trấn Yên Bình	0,30				0,30	550		550		
14	Mở rộng Hang đá phục vụ chiến đấu khu vực phòng thủ của huyện	Xã Yên thành	0,26	0,20			0,06	300,0		300,0		
15	Thu hồi đất để xây dựng Trường Mầm non xã Tân Nam	Tân Nam	0,25				0,25	1.000		1.000		
16	Thu hồi đất để xây dựng đường dây điện 35kV, Trạm biến áp và đường dây 0,4kV cấp điện cho thôn Thượng Bình, Tân Thượng	Yên Thành	0,25	0,06			0,19	1.200		1.200		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
17	Thu hồi đất để xây dựng đường dây điện 35kV, Trạm biến áp và đường dây 0,4kV cấp điện cho thôn Tân Bình, thôn Minh Hạ, thôn Nậm Qua	Tân Nam	0,25	0,05			0,20	1.200		1.200		
18	Thu hồi đất giao thông liên xã Tiên Nguyên - Tân Nam	Xã Tân Nam	18,93	1,22			10,65	6.000		6.000		
		Xã Tiên Nguyên		1,57			5,48					
19	Thu hồi đất để làm đường đoạn 10 đường nội huyện	TT Yên Bình	1,80	0,36			1,44	2.000		2.000		
20	Thu hồi đất để làm đường nối đoạn 15 với ngã tư đoạn 7 kéo dài và đoạn nối từ ngã tư đoạn 7 kéo dài với ngã ba của đoạn 3 đường nội huyện Quang Bình	TT Yên Bình	3,60	0,85			2,75	4.000		4.000		
21	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Quang Bình năm 2021	Xã Xuân Giang, xã Yên Hà	0,08	0,01			0,06	45			45	
22	Xuất tuyến 110KV sau TBA 220KV Bắc Quang	Tân Bắc	0,74	0,08			0,40	500			500	
		Tân Trịnh		0,02			0,07					
		TT. Yên Bình		0,02			0,17					

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
23	Thủy điện Suối Chùng	Xã Tân Bắc	13,87	0,82			4,24	3.000			3.000	
		Xã Tiên Nguyên		0,13			8,69					
<b>XI</b>	<b>H. BẮC QUANG</b>		<b>4,56</b>	<b>0,05</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4,52</b>	<b>6.376</b>	<b>5.066</b>	<b>1.000</b>	<b>310</b>	
1	Khu tập kết, thu gom, trung chuyển rác thải xã Tiên Kiều	Xã Tiên Kiều	0,30				0,30	2.000	1.000	1.000		
2	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Quang năm 2021	TT Việt Quang, Xã Liên Hiệp, xã Quang Minh, xã Hùng An	0,26	0,05			0,21	170			170	
3	Trạm kiểm lâm Tân Quang	Xã Tân Quang	0,10				0,10	70	70			
4	Khu vực đường vào nhà máy, khu nhà xưởng (Thuộc khu vực nhà máy), đường dây 110 Kv	Xã Tân Thành	0,21				0,21	140,00			140,00	
5	Hồ chứa nước Nà Luông xã Kim ngọc, huyện Bắc Quang thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Hà Giang (WB8)	Xã Kim Ngọc	1,00				1,00	1.080	1.080			

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
6	Hồ chứa nước Tát Làng xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Hà Giang (WB8)	Xã Vô Điểm	0,80				0,80	936	936			
7	Hồ chứa nước Kim Tiến xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Hà Giang (WB8)	Xã Bằng Hành	0,95				0,95	1.044	1.044			
8	Hồ chứa nước Pú Tiên xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Hà Giang (WB8)	Xã Vô Điểm	0,95				0,95	936	936			

**Phụ lục II**

**Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất theo Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai để thực hiện dự án đầu tư năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 53 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
	<i>Toàn tỉnh</i>		200,83	41,51	-	6,13	153,20	122.588,5	25.080,0	55.672,5	41.836,0	
<b>I</b>	<b>TP. HÀ GIANG</b>		11,10	0,67	-	0,31	10,13	5.095	5.000	-	95	
1	Dự án đường lên trận địa và đài quan sát phòng không núi Mỏ Neo (bổ sung)	P. Minh Khai	0,31			0,31						
2	Cải tạo lưới điện 22kV khu vực TP.Hà Giang năm 2021	Phường Nguyễn Trãi, Quang Trung, Ngọc Hà, xã Phương Thiện	0,09	0,01			0,08	60			60	
3	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực Thành phố Hà Giang năm 2021	Phường Nguyễn Trãi, xã Phương Thiện	0,05	0,01			0,04	35			35	

*Willer*

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
4	Khu liên hợp thể thao và văn hóa tỉnh (giai đoạn 1) bổ sung	xã Phương Độ, phường Quang Trung	10,65	0,65			10,00	5.000	5.000			
<b>II</b>	<b>H. ĐỒNG VĂN</b>		<b>9,15</b>	<b>3,33</b>	-	-	<b>5,82</b>	<b>6.026</b>	<b>6.000</b>	-	<b>26</b>	
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ trung tâm huyện Đồng Văn đi Mốc 450 (nay là mốc 456) huyện Mèo Vạc (Địa phận huyện Đồng Văn; DA qua 2 huyện)	Thị trấn Đồng Văn	6,60	1,32			5,28	4.500	4.500	-	-	
2	Hồ dự trữ nước và điều tiết nước thủy lợi thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn	Thị trấn Đồng Văn	2,50	2,00			0,50	1.500	1.500	-	-	
3	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Đồng Văn năm 2021	Xã Lũng Cú	0,05	0,01			0,04	26			26	
<b>III</b>	<b>H. MÈO VẠC</b>		<b>28,58</b>	<b>5,03</b>	-	-	<b>23,54</b>	<b>9.350</b>	<b>3.000</b>	<b>6.200</b>	<b>150</b>	
1	Cải tạo sửa chữa nhà lớp học 2 tầng thôn Lũng Vần Chải xã Xín Cái thành trụ sở nhà văn hóa xã Xín Cái	Xã Xín Cái	0,10	0,05			0,05	200		200		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ trung tâm huyện Đông Văn đi Mốc 450 (nay là mốc 456) huyện Mèo Vạc (Địa phận huyện Mèo Vạc; DA qua 2 huyện)	Xã Xín Cái; xã Thượng Phùng	23,40	4,68			18,72	6.000		6.000		
3	Kết nối lưới điện trung thế các huyện Bảo Lâm - Bắc Mê; Bảo Lâm - Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Xã Niêm Tông, Niêm Sơn, Tát Ngà	0,06	0,002			0,06	100			100	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Km 160+400, QL4C xã Pà Vi đi mốc 456 xã Thượng Phùng huyện Mèo Vạc	Xã Pà Vi, Giàng Chu Phìn, Xín Cái, Thượng Phùng	5,00	0,30			4,70	3.000	3.000			
5	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Mèo Vạc năm 2021	Xã Tát Ngà	0,02	0,01			0,01	50			50	
<b>IV</b>	<b>H. YÊN MINH</b>		<b>10,62</b>	<b>6,76</b>	<b>-</b>	<b>0,72</b>	<b>3,14</b>	<b>19.505</b>	<b>10.000</b>	<b>8.480</b>	<b>1.025</b>	
1	Đường từ Km 97+650m QL4C nối với đường tránh thị trấn Yên Minh (hạng mục mở đường + QH 2 bên phụ cận)	Thị trấn Yên Minh	7,00	6,00			1,00	6.930		6.930		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ thủy điện Bát Đại Sơn đi các thôn Na Pô, Bản Rào, Sáo Hồ và Mốc 345, xã Na Khê huyện Yên Minh tỉnh Hà Giang. Hạng mục: Đường – Trần liên hợp qua suối.	Xã Na Khê	1,31	0,25			1,06	700		700		
3	Đường dây 35Kv +TBA+ ĐZ0,4Kv cấp điện 2 thôn Khâu Piai và Ngải Trỏ xã Mậu Duệ	xã Mậu Duệ	0,30	0,02		0,22	0,06	850		850		
4	Dự án cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Yên Minh	TT Yên Minh	0,50			0,50		10.000	10.000			
5	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Yên Minh năm 2021	Xã Du Già	0,04	0,01			0,03	25			25	
6	Khu đô thị hỗn hợp 1B	thị trấn Yên Minh	1,48	0,48			1,00	1.000			1.000	
<b>V</b>	<b>H. QUẢN BẠ</b>		<b>24,55</b>	<b>2,70</b>	<b>-</b>	<b>5,00</b>	<b>16,85</b>	<b>19.050</b>	<b>450</b>	<b>18.600</b>	<b>-</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ quốc lộ 4c (km49+750) đi trường dạy nghề vào thôn Nặm Đăm	xã Quản Bạ	6,30	0,50		0,50	5,30	6.500		6500		



Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Km 50 +100m, quốc lộ 4c đi qua (thôn Nà Vin) công trường PTDT BT tiểu học xã Quán Bạ hồ Nậm Đăm	Thôn Nà Vin, Nậm Đăm, xã Quán Bạ	2,50	0,50			2,00	2.000		2000		
3	Nâng cấp, mở rộng điểm dừng chân, bãi đỗ xe và các hạng mục phục vụ khách du lịch tại đỉnh dốc Cổng Trời	Thôn Nậm Lương, xã Quyết Tiến	1,00			0,50	0,50	1.000		1000		
4	Khu trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm địa phương, nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm và thông tin du lịch, hiện vật văn hóa của các dân tộc vùng công viên địa chất, các mô hình làm điểm nhấn du lịch cho khách tham quan, trải nghiệm tại thôn Lùng Mươi	Thôn Lùng Mươi Xa Quyết Tiến	0,80	0,10			0,70	800		800		
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà văn hoá thôn, đội 3 Lùng Mươi đến Hang Lùng Mươi	xã Quyết Tiến	2,65	0,50			2,15	2.000		2000		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
6	Xây dựng khuôn viên bãi đỗ xe, đường giao thông, khuôn viên cây xanh, khu trưng bày sản phẩm +thu hồi, đền bù GPMB làm điểm nhấn du lịch tại Thạch Sơn Thôn.	Thôn Lũng Thàng, xã Quyết Tiến	2,50	0,50			2,00	2.300		2300		
7	Mở rộng tuyến đường từ QL 4c (trạm Y tế xã) đi thôn Hoàng Lan	Thôn Lũng Thàng, Thôn Hoàng Kan	3,00	0,50			2,50	3.000		3.000		
8	Cải tạo, sửa chữa kênh mương thủy lợi tưới tiêu cho vùng rau hoa xã Quyết Tiến về hồ	Thôn Lũng Thàng, xã Quyết Tiến	1,30	0,10			1,20	1.000		1.000		
9	Xử lý điểm nguy cơ mất ATGT (Đèo dốc cổng trời Quán Bạ) KM44+500 đến KM46+600 Quốc lộ 4c tỉnh Hà Giang	xã Quyết tiến, TT Tam Sơn	4,50			4,00	0,50	450	450			
<b>VI</b>	<b>H. VỊ XUYÊN</b>		<b>18,83</b>	<b>7,55</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11,28</b>	<b>9.855</b>	<b>130</b>	<b>-</b>	<b>9.725</b>	
1	Thủy điện Thượng Sơn	Xã Thượng Sơn	1,40	0,15			1,25					
2	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Vị Xuyên năm 2021	Xã Đạo Đức, Xã Việt Lâm	0,04	0,01			0,03	25			25	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
3	Nhà tạm giam, tạm giữ, hệ thống kho vật chứng và các hạng mục phụ trợ Công an huyện Vị Xuyên	Thị trấn Vị Xuyên	0,20	0,20				130	130			
4	Thủy điện Thanh Thủy 1B	Xã Lao Chải và xã Xín Chải	11,00	1,00			10,00	7.200			7.200	
5	Thủy điện Nậm Ngân 2	xã Thượng Sơn	3,92	3,92				2.500			2.500	
6	Làng thanh niên lập nghiệp biên giới	xã Minh Tân	2,27	2,27								
<b>VII</b>	<b>H. HOÀNG SU PHÌ</b>		<b>43,64</b>	<b>7,99</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>35,65</b>	<b>26.500</b>	<b>500</b>	<b>-</b>	<b>26.000</b>	<b>-</b>
1	Cấp điện cho thôn Ngàm Đăng Vài 1	xã Ngàm Đăng Vài	0,06	0,01			0,05	500	500			
2	Dự án: Thủy điện Túng Sán 1	xã Túng Sán	8,31	1,55			6,76	4.500			4.500	
3	Dự án: Thủy điện Túng Sán 2	xã Túng Sán và xã Tân Tiến	13,43	3,63			9,80	9.500			9.500	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
4	Dự án: Thủy điện Sông Chày 2	Các xã: Nậm Dịch, Ngàm Đãng Vài, Bàn Luốc, Tụ Nhân	21,84	2,80			19,04	12.000			12.000	
<b>VIII</b>	<b>H.XÍN MẢN</b>		<b>3,73</b>	<b>0,41</b>	<b>-</b>	<b>0,10</b>	<b>3,22</b>	<b>1.793</b>	<b>-</b>	<b>1.793</b>	<b>-</b>	
1	Công trình Trạm biến áp 31,5 Kv/Đz 0,4 Kv cấp điện cho nhà sản Đèo Gió xã Nậm Dẩn	Xã Nậm Dẩn	0,003			0,003						
2	Cấp điện thôn Cốc Đông, Cốc Cang, xã Chế Là	xã Chế Là	0,07	0,02			0,05	82,5		82,5		
3	Cấp điện thôn Nàng Cút, xã Thu Tà, huyện Xín Mản	Xã Thu Tà	0,12	0,03			0,09	300,0		300,0		
4	Cấp điện thôn Tà lừ Thận, xã Pà Vây Sù, huyện Xín Mản	Xã Pà Vây Sù	0,11	0,01		0,01	0,09	210,0		210,0		
5	Đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã Nàn Xìn đi hội trường thôn Chúng Chải	Xã Nàn Xìn	2,03	0,33		0,09	1,61	750,0		750,0		
6	Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng và các công trình phụ trợ tại thôn Nậm Ngà, xã Cốc Ré	xã Cốc Ré	1,40	0,02			1,38	450,0		450,0		
<b>IX</b>	<b>H. QUANG BÌNH</b>		<b>50,38</b>	<b>7,02</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>43,36</b>	<b>25.245</b>	<b>-</b>	<b>20.600</b>	<b>4.645</b>	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
1	Trường mầm non sao mai và tiểu học Kim Đồng thị trấn Yên Bình	Thị trấn Yên Bình	2,97	1,14			1,83	1.100		1.100		
2	Đường điện chiếu sáng thôn Hạ Sơn	Thị trấn Yên Bình	0,10	0,02			0,07	300		300		
3	Xây dựng đường điện 35Kv, trạm biến áp và đường dây 0,4kv tại thôn Sơn Nam	xã Hương Sơn	0,16	0,02			0,14	600			600	
4	Nhà văn hóa công đồng dân tộc Pà Thén	Xã Tân Trịnh	0,81	0,28			0,53	500			500	
5	Chợ xã Tân Nam	xã Tân Nam	1,45	0,09			1,37	1500		1500		
6	Khu dân cư nông thôn mới xã Tân Nam	xã Tân Nam	5,12	0,08			5,04	3000		3000		
7	Mở rộng Hang đá phục vụ chiến đấu khu vực phòng thủ của huyện	Xã Yên thành	0,26	0,20			0,06	300,0		300,0		
8	Thu hồi đất để xây dựng đường dây điện 35kV, Trạm biến áp và đường dây 0,4kV cấp điện cho thôn Thượng Bình, Tân Thượng	Yên Thành	0,25	0,06			0,19	1.200		1.200		
9	Thu hồi đất để xây dựng đường dây điện 35kV, Trạm biến áp và đường dây 0,4kV cấp điện cho thôn Tân Bình, thôn Minh Hạ, thôn Nậm Qua	Tân Nam	0,25	0,05			0,20	1.200		1.200		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
10	Thu hồi đất giao thông liên xã Tiên Nguyên - Tân Nam	Xã Tân Nam	18,93	1,22			10,65	6.000		6.000		
		Xã Tiên Nguyên		1,57			5,48					
11	Thu hồi đất để làm đường đoạn 10 đường nội huyện	TT Yên Bình	1,80	0,36			1,44	2.000		2.000		
12	Thu hồi đất để làm đường nối đoạn 15 với ngã tư đoạn 7 kéo dài và đoạn nối từ ngã tư đoạn 7 kéo dài với ngã ba của đoạn 3 đường nội huyện Quang Bình	TT Yên Bình	3,60	0,85			2,75	4.000		4.000		
13	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Quang Bình năm 2021	Xã Xuân Giang, xã Yên Hà	0,08	0,01			0,06	45			45	
14	Xuất tuyến 110KV sau TBA 220KV Bắc Quang	Tân Bắc	0,74	0,08			0,40	500				500
		Tân Trịnh		0,02			0,07					
		TT. Yên Bình		0,02			0,17					

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
15	Thủy điện Suối Chùng	Xã Tân Bắc	13,87	0,82			4,24	3.000			3.000	
		Xã Tiên Nguyên		0,13			8,69					
<b>X</b>	<b>H. BẮC QUANG</b>		<b>0,26</b>	<b>0,05</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0,21</b>	<b>170</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>170</b>	
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Quang năm 2021	TT Việt Quang, Xã Liên Hiệp, xã Quang Minh, xã Hùng An	0,26	0,05			0,21	170			170	